

Phụ lục I

TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II
TỔ VĂN – SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN NGỮ VĂN, KHỐI LỚP 6
(Năm học 2022 - 2023)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 08.; Số học sinh: 317 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): Không

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 17; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 01; Đại học: 13 Trên đại học: 03

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Bài dạy/ thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	10	Dạy học văn bản; Thực hành tiếng Việt; Nói và viết	
2	Ti vi	10	Dạy học văn bản; Thực hành tiếng Việt; Nói và viết	
3	Máy chiếu vật thể	5	Dạy học văn bản; Thực hành tiếng Việt; Nói và viết	
4	Bảng phụ	20	Dạy học văn bản; Thực hành tiếng Việt; Nói và viết	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập: Không

II. Kế hoạch dạy học

STT	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN	16	MỤC TIÊU CHUNG BÀI 1 - Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất; - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; - Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB; - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB bảo đảm các bước; - Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân; - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.	
1,2,3	Bài học đường đời đầu tiên	3	1. Kiến thức - Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn Một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất. - Người kể chuyện ngôi thứ nhất; nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn, Dế Choắt. Từ đó, hình dung được đặc điểm của từng nhân vật; - Những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật thường là loài vật, đồ vật,... được nhân hóa; tác giả dùng “tiếng chim lời thú” để nói chuyện con người; cốt truyện vừa gắn liền với sinh hoạt của các loài vật, vừa phản ánh cuộc sống con người; ngôn ngữ miêu tả sinh động, hấp dẫn,... - Đặc điểm của nhân vật Dế Mèn; rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc.	

			- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. b. Năng lực đặc thù - Năng lực ngôn ngữ: đọc trôi chảy, hiểu đúng kiểu văn bản; nhận biết, phân tích, đánh giá được nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i>; biết cách liên hệ, mở rộng, so sánh văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> với văn bản khác có cùng chủ đề và với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân. - Năng lực thẩm mĩ: Chỉ ra, phân tích và đánh giá được vẻ đẹp của các hình thức ngôn từ trong văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i>; 3. Phẩm chất - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe và cuộc sống riêng tư của người khác. Không đồng tình với cái ác, cái xấu, không cổ xúy, không gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi,... Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.	
4	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức - Các kiểu cấu tạo của từ tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ đơn, từ láy), chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn; - Nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực b. Năng lực đặc thù - Nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản. 3. Phẩm chất	

			- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.	
5,6	Nếu cậu muốn có một người bạn	2	1. Kiến thức - Các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật hoàng tử bé và cáo; một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nhân vật; - Những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật con vật (con cáo) được nhân cách hoá - vừa mang đặc tính của loài vật, vừa gọi tính cách con người; ngôn ngữ đối thoại sinh động; giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ một hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện, kết bạn với con người), v.v... - Nội dung của đoạn trích; cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn; có ý thức về trách nhiệm với bạn bè, với những gì mình gắn bó, yêu thương. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. b. Năng lực đặc thù - Năng lực đọc – hiểu văn bản: trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i>; - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i>; - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i>; - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;	

			- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Tôn trọng, nhân ái: Yêu thương, tôn trọng tình bạn và sự khác biệt - Trách nhiệm, chăm chỉ: tích cực học tập, có ý thức hợp tác nhóm. - Tự lập, tự tin, tự chủ trong việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các công việc được giao.	
7	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức: - Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó, tích cực hoá vốn từ (đặt câu với các từ cho trước); - Tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc trong VB <i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i>. 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các từ Hán Việt. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực nhận diện từ Hán Việt, các phép tu từ và tác dụng của chúng. 3. Phẩm chất - Yêu nước, nhân ái: Có ý thức sử dụng đúng từ Hán Việt khi nói, viết và biết giữ gìn, trân trọng, phát huy vẻ đẹp, sự trong sáng của tiếng Việt. - Trách nhiệm, chăm chỉ: tích cực học tập, có ý thức hợp tác nhóm và thực hành nhận biết, sử dụng từ Hán Việt. - Tự lập, tự tin, tự chủ trong việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các công việc được giao.	

8,9	Bắt nạt	2	1. Kiến thức - Sự khác nhau giữa thể loại truyện và thơ; đặc điểm câu thơ: thể thơ, bố cục, chủ đề - Giá trị nghệ thuật và giá trị nội dung của bài thơ - Thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt. - Xây dựng môi trường học đường tôn trọng, lành mạnh, an toàn và hạnh phúc. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. - Năng lực giải quyết vấn đề: Biết giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống. b. Năng lực đặc thù - Năng lực đọc – hiểu văn bản: trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Bắt nạt</i>; - Năng lực ngôn ngữ: trao đổi, giao tiếp, chia sẻ suy nghĩ về văn bản <i>Bắt nạt</i>; - Năng lực hợp tác: khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. - Năng lực phân tích, so sánh: đặc điểm nghệ thuật của văn bản truyện với văn bản thơ. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ: tích cực học tập, có ý thức hợp tác nhóm và thực hành nhận biết sự khác nhau giữa văn bản truyện và văn bản thơ, hiểu được giá trị về nội dung và nghệ thuật của thơ. - Tự lập, tự tin, tự chủ trong việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các công việc được giao.	
-----	---------	---	--	--

10, 11, 12, 13	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm	4	1. Kiến thức - HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm; - HS viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, hs biết kể lại được một trải nghiệm, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận; - Năng lực viết, tạo lập văn bản. 3. Phẩm chất: - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.	
14, 15	Kể lại một trải nghiệm	2	1. Kiến thức - HS nói được về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực trình bày suy nghĩ hs biết phát biểu, thuyết trình, phản biện, cảm nhận của cá nhân. 3. Phẩm chất: - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.	
16	Củng cố, mở rộng+ Thực hành đọc	1	1. Kiến thức: - Một số yếu tố của truyện đồng thoại. - Người kể chuyện ngôi thứ nhất; nhận biết được các chi tiết miêu tả hình	

			dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật. - Từ láy, từ ghép, từ Hán Việt 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực trong học tập, tìm kiếm tư liệu học tập phục vụ cho bài học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ viết để trình bày vấn đề b. Năng lực riêng biệt: - Nhận biết được yêu cầu về hình thức, nội dung đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. - Năng lực ngôn ngữ : + Xây dựng được dàn ý đối với đoạn văn kể lại một trải nghiệm của bản thân + Viết được đoạn văn kể lại trải nghiệm của bản thân đảm bảo các bước, bố cục và số lượng câu đúng quy định - Năng lực thẩm mỹ: Cảm nhận được cái hay cái đẹp, tình cảm, cảm xúc trong truyện đồng thoại 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, tự giác, tích cực trong học tập.	
	Bài 2: GỖ CỬA TRÁI TIM	12	MỤC TIÊU CHUNG BÀI 2 - Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ; - Nhận biết được ẩn dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ; - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả; - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; - Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.	
17, 18,19	Chuyện cổ tích về loài người	3	1. Kiến thức - Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Chủ đề của bài thơ;	

			- Số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>; - Những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v... - Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống. - Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực về vấn đề được đặt ra trong văn bản. - Năng lực trình bày: Biết trình bày vấn đề một cách trôi chảy, mạch lạc trước tập thể. b. Năng lực đặc thù - Năng lực đọc hiểu văn bản: Biết cách đọc hiểu một văn bản thơ viết về chuyện cổ tích loài người. - Năng lực tư duy sáng tạo: Chủ động thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>; - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với gia đình, nhà trường và xã hội như chấp hành tốt nội quy, quy định của pháp luật	
20	Mây và sóng	1	1. Kiến thức: - Biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp. - Biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Nhận diện được đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương	

			của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, đánh giá được khả năng của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tóm tắt thông tin. b. Năng lực riêng biệt: - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Mây và sóng</i>. - Nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ - Nhận biết được các chi tiết trong VB. - Phân tích, so sánh được đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề. - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống. 3. Phẩm chất: - Hình thành được đức tính: Nhân ái, yêu gia đình, hiếu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.	
21	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức - Vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca; - Tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ trong thơ. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện. - Năng lực giải quyết vấn đề: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới,	

			biết phân tích tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Phân tích được tình huống trong học tập. b. Năng lực đặc thù - Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng đúng từ ngữ tiếng Việt và xác định được tác dụng của một số biện pháp tu từ. - Năng lực tư duy sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức đã học để sáng tác thơ văn có nội dung tương tự với bài học. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày. - Nhân ái: Không đồng tình với cái ác, cái xấu, sẵn sàng bênh vực kẻ yếu.	
22, 23	Bức tranh của em gái tôi	2	1. Kiến thức - củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. <i>Tôi và các bạn;</i> - Cảm nhận và biết trân trọng tình cảm gia đình. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, đánh giá được khả năng của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tóm tắt thông tin. b. Năng lực riêng biệt: - Thu thập được thông tin liên quan đến văn bản <i>Bức tranh của em gái tôi</i>; - Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Bức tranh của em gái tôi</i>; - Trao đổi, thảo luận được về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. - Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Hình thành được đức tính: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.	

24, 25	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả	2	1. Kiến thức: - Hình thức, bố cục của đoạn văn - Các bước viết đoạn văn. - Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả - Cách nêu, thể hiện cảm xúc về các yếu tố trong bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực trong học tập, tìm kiếm tư liệu học tập phục vụ cho bài học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ viết để trình bày vấn đề b. Năng lực riêng biệt: - Nhận biết được yêu cầu về hình thức, nội dung đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. - Năng lực ngôn ngữ : + Xây dựng được dàn ý đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. + Viết được đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả đảm bảo các bước, bố cục và số lượng câu đúng quy định - Năng lực thẩm mỹ: Cảm nhận được cái hay cái đẹp, tình cảm, cảm xúc trong bài thơ có yếu tố tự sự , miêu tả. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, tự giác, tích cực trong học tập.	
			1. Kiến thức: - Ngôi kể và người kể chuyện - Một vấn đề trong đời sống gia đình khiến em quan tâm và suy nghĩ - Cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học: + Làm chủ tình cảm, cảm xúc, điều chỉnh hành vi phù hợp với vấn đề trong	

			đời sống gia đình. + Chủ động tích cực trong học tập. - Năng lực giải quyết vấn đề: Xác định đúng vấn đề trong đời sống gia đình - Năng lực giao tiếp và hợp tác: + Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình sao cho hấp dẫn và thuyết phục. + Biết lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực ngôn ngữ: + Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất. + Nói được về một vấn đề trong đời sống gia đình phù hợp với đặc trưng của kiểu bài nói; đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, nhân ái, yêu gia đình	
26,27	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình	2	1. Kiến thức: - Kiến thức khái quát của bài học số 2: Gỡ cửa trái tim - Hình ảnh hai cha con và cuộc trò chuyện giữa họ; ý nghĩa của hình ảnh những cánh buồm trên biển buổi sớm mai sau trận mưa đêm - Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực trong học tập, tìm kiếm tư liệu học tập phục vụ cho bài học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và phản hồi tích cực; hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. - Năng lực giải quyết vấn đề: xác định và đưa ra các nhận xét, đánh giá về giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực đọc hiểu văn bản: trình bày suy nghĩ, phân tích, nêu nhận xét, cảm nhận của cá nhân về những giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ ;	

			- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản - Năng lực thẩm mỹ: Cảm nhận được cái hay cái đẹp, tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. 3. Phẩm chất: - Tôn trọng, nhân ái: Yêu thương, tôn trọng những người thân yêu trong gia đình. - Chăm chỉ: tích cực học tập, có ý thức hợp tác nhóm.	
28	Củng cố, mở rộng+ Thực hành đọc	1	1. Kiến thức: - Hình thức, bố cục của đoạn văn - Các bước viết đoạn văn. - Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả - Cách nêu, thể hiện cảm xúc về các yếu tố trong bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực trong học tập, tìm kiếm tư liệu học tập phục vụ cho bài học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ viết để trình bày vấn đề b. Năng lực riêng biệt: - Nhận biết được yêu cầu về hình thức, nội dung đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. - Năng lực ngôn ngữ : + Xây dựng được dàn ý đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. + Viết được đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả đảm bảo các bước, bố cục và số lượng câu đúng quy định - Năng lực thẩm mỹ: Cảm nhận được cái hay cái đẹp, tình cảm, cảm xúc trong bài thơ có yếu tố tự sự , miêu tả. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, tự giác, tích cực trong học tập.	

	BÀI 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ	12	MỤC TIÊU CHUNG BÀI 3 - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB; - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra; - Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu. - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; - Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. - Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.	
29, 30	Cô bé bán diêm	2	1. Kiến thức - Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm của nhân vật trong truyện kể. - Người kể chuyện ngôi thứ 3. - Cốt truyện, nhân vật, đặc sắc nghệ thuật của văn bản - Cảnh ngộ và nỗi khổ cực của cô bé bán diêm - Niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Tự học các tác phẩm truyện. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung của các văn bản; sáng tạo trong nghệ thuật khi phân tích một vấn đề trong tác phẩm. b. Năng lực riêng biệt: + Đọc hiểu nội dung: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm. - Nhận biết được chủ đề của văn bản. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.	

			- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. + Đọc hiểu hình thức: - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. 3. Phẩm chất: - Nhân ái: Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội; có tinh thần đấu tranh với những quan điểm thiếu lành mạnh, trái đạo lý	
31	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức: - Các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe. - Kiến thức về Tiếng Việt đã học: Từ đơn, từ phức, thành ngữ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, yếu tố Hán Việt, cụm từ và mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. b. Năng lực đặc thù: - NL văn học: Tạo lập văn bản, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. 3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực.	
32	Ôn tập giữa kì I	1	1. Kiến thức: - Một số yếu tố của truyện, ngôi kể. - Đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; - Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. Tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu. - Ấn dụ và tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ; - Từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), tác dụng của việc sử dụng từ láy	

			trong VB; 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. b. Năng lực đặc thù: - Năng lực đọc hiểu - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một nhân vật có sử dụng các kiến thức tiếng Việt (từ láy, cụm danh từ, cụm động từ...) - Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, trung thực trong quá trình học tập và làm bài.	
33, 34	Kiểm tra giữa kì I	2	1. Kiến thức: - Biết vận dụng kiến thức về truyện và thơ, kiến thức về từ láy, về cụm từ, biện pháp ẩn dụ để làm bài. - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một nhân vật có sử dụng các kiến thức tiếng Việt (từ láy, cụm danh từ, cụm động từ...) - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân; 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề - Năng lực riêng: Năng lực nhận biết các tín hiệu ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tạo lập văn bản. 3. Phẩm chất: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.	- Thời gian: 90 phút - Hình thức: Viết, tự luận

35, 36	Gió lạnh đầu mùa	2	1. Kiến thức: - Người kể chuyện ngôi thứ ba, cốt truyện. - Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm của nhân vật trong truyện kể. - Hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiền, mẹ Sơn. 2. Năng lực a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. b. Năng lực riêng biệt: + Đọc hiểu nội dung: - HS xác định được ngôi kể trong văn bản - HS nhận biết chủ đề văn bản. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ tác phẩm. - Tóm tắt được truyện ngắn một cách ngắn gọn. + Đọc hiểu hình thức: - HS nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện. - HS so sánh được điểm giống nhau và khác nhau của hai nhân vật: cô bé bán diêm và bé Hiền. 3. Phẩm chất: - Nhân ái: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.	
37	Con chào mào	1	1. Kiến thức - Bổ sung, mở rộng chủ đề của bài học: Yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người; - Hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ (thể loại chính HS được học ở bài 2); - Yêu cái đẹp và có ý thức gìn giữ, bảo vệ thiên nhiên. 2. Năng lực	

			a. Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề: Biết tóm tắt thông tin; - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, đánh giá được khả năng của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung. b. Năng lực riêng biệt - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Con chào mào; - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Con chào mào; - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản; - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề; 3. Phẩm chất - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng cái đẹp, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.	
38	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức - Ý nghĩa của cụm động từ; - Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; - Ý nghĩa mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, đánh giá được khả năng của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung. b. Năng lực riêng biệt - Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính	

			của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ; - Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.	
39, 40	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em	2	1. Kiến thức - Bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể; - Rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn tự sự (tiếp nối bài 1). 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề: Biết tóm tắt thông tin; - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống. b. Năng lực riêng biệt - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận; - Năng lực viết, tạo lập văn bản. 3. Phẩm chất - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập; - Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.	
41	Kể về một trải nghiệm của em	1	1. Kiến thức: - Rèn luyện, phát triển kỹ năng nói và nghe về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân (tiếp nối bài 1. Tôi và các bạn). 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. 3. Phẩm chất:	

			- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.	
42	Củng cố, mở rộng+ Thực hành đọc + Trả bài	1	1. Kiến thức: - Trao đổi kết quả đọc mở rộng ngay tại lớp. HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong bài 1. Tôi và các bạn, bài 2. Gõ cửa trái tim, và bài 3. Yêu thương và chia sẻ để tự đọc VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB vừa học; - Nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v... 2. Năng lực - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... 3. Phẩm chất - Những phẩm chất được gọi ra từ nội dung của VB đọc; - Ý thức tự giác, tích cực của HS.	
	BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU	12	MỤC TIÊU CHUNG BÀI 4 - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB; - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... - Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm nghệ thuật của thơ lục bát, cảm nhận được cảm xúc và thông điệp của người viết thông qua ngôn ngữ VB. - Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.	
43,44	Chùm ca dao về quê hương, đất nước	2	1. Về kiến thức: - Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn	

			+Tri thức ngữ văn (Thơ, thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp) -+Vẻ đẹp của quê hương đất nước được thể hiện qua 3 văn bản. +Từ đồng âm, từ đa nghĩa. + Hoán dụ. Đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao. - Nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB. 2. Về năng lực: - Xác định được thể thơ. - Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài. - Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i>; 3. Phẩm chất: Tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền đất nước.	
45	Chuyện cổ nước mình	1	1. Về kiến thức: - Những nét tiêu biểu về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ - Chủ thể nhân vật trữ tình trong thơ - Đặc điểm của thể thơ lục bát, nét độc đáo của những hình ảnh, ngôn ngữ và giá trị của bài thơ - Tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ. 2. Về năng lực: - Xác định được tình cảm, cảm xúc trong bài thơ - Nhận biết được các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ	

			- Thấy được vẻ đẹp về tình người trong cuộc sống 3. Về phẩm chất: - Nhân ái, đoàn kết, yêu thương với mọi người; tự hào về đất nước, về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc	
46	Thực hành tiếng Việt	1	1. Về kiến thức: - Thông qua việc thực hiện, giải quyết các yêu cầu, bài tập của phần <i>Thực hành tiếng Việt</i>; - HS hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình. 2. Về năng lực a. Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... b. Năng lực riêng biệt - Năng lực nhận diện và phân biệt các từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình. 3. Về phẩm chất - Tình yêu và tự hào về ngôn ngữ tiếng Việt.	
47, 48	Cây tre Việt Nam	2	1. Về kiến thức: - Những nét tiêu biểu về nhà văn Thép Mới; - Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam; - Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,... - Biện pháp tu từ hoán dụ, tác dụng của biện pháp tu từ này; - Ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng. 2. Về năng lực: - Thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Cây tre Việt Nam</i>; - Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Cây tre Việt Nam</i>;	

			- Biết khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản; - Phân tích, so sánh được đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề; - Nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này; - Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng. 3. Về phẩm chất: - Tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.	
49	Thực hành tiếng Việt	1	1. Về kiến thức: - HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này. - HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng. 2. Về năng lực a. Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... b. Năng lực riêng biệt - Năng lực nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này; - Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng. 3. Về phẩm chất - Tình yêu và tự hào về ngôn ngữ tiếng Việt.	
50	Tập làm một bài thơ lục bát	1	1. Về kiến thức: - Đặc điểm thể thơ lục bát. 2. Về năng lực: - Biết vận dụng những hiểu biết về đặc điểm thể thơ lục bát để làm bài thơ lục bát. - Bày tỏ cảm xúc về một đề tài tự chọn. 3. Về phẩm chất: - Tự hào và yêu quý thể thơ dân tộc.	

51, 52	Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát	2	1. Về kiến thức: - Đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao. - Nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB. 2. Về năng lực: - Xác định được thể thơ. - Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài. - Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i>; 3. Phẩm chất: Tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền đất nước.	
53,54	Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con quê hương	2	1. Kiến thức: - HS biết trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. 3. Phẩm chất: - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.	
55	Củng cố, mở rộng+ Trả bài kiểm tra giữa kì	1	1. Kiến thức: - HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc và sưu tầm các bản kể khác của các truyền thuyết đã học. Qua việc chia sẻ kết quả tự đọc và sưu tầm, HS thể hiện hiểu biết về các đặc điểm của truyền thuyết. - HS tìm hiểu, giới thiệu được một tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội	

			dung truyện <i>Thánh Gióng</i> và <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>. -HS nhận thức được các ưu điểm, nhược điểm trong các bài viết, kiểm tra, rút kinh nghiệm về lỗi chính tả, cách diễn đạt, trình bày. 2. Năng lực - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, năng lực tổng hợp, vận dụng v.v... 3. Phẩm chất - Những phẩm chất: yêu nước, trung thực... - Ý thức tự giác, tích cực ý thức trách nhiệm của HS.	
	BÀI 5: NHỮNG NÉO ĐƯỜNG XỨ SỞ	12	1. Kiến thức: - Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... b. Năng lực riêng - Nhận biết và phân tích được các đặc điểm nghệ thuật của thể kí. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.	
56,57	Cô Tô	2	1. Kiến thức: - Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất. - HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích <i>Cô Tô</i>. HS nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”; nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc;	

			- HS nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương; - HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,... 2. Năng lực a. Năng lực chung - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Cô Tô</i>; - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Cô Tô</i>; - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.	
58	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức: - HS biết trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. 3. Phẩm chất: - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.	

59, 60	Hang Én	2	1. Kiến thức: - HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc và sưu tầm các bản kể khác của các truyền thuyết đã học. Qua việc chia sẻ kết quả tự đọc và sưu tầm, HS thể hiện hiểu biết về các đặc điểm của truyền thuyết. - HS tìm hiểu, giới thiệu được một tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện <i>Thánh Gióng</i> và <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>. - HS nhận thức được các ưu điểm, nhược điểm trong các bài viết, kiểm tra, rút kinh nghiệm về lỗi chính tả, cách diễn đạt, trình bày. 2. Năng lực - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, năng lực tổng hợp, vận dụng v.v... 3. Phẩm chất - Những phẩm chất: yêu nước, trung thực... - Ý thức tự giác, tích cực ý thức trách nhiệm của HS.	
61	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức - Hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí <i>Hang Én</i>; - Vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người - Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,... 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành	

			tự nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. b. Năng lực riêng - Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí <i>Hang Én</i>; - Nhận biết được chủ đề, nêu được ý nghĩa nhan đề của văn bản. - Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thần phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,... - Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân và những thông điệp do văn bản đọc đã gợi ra; - Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.	
62	Cửu Long Giang ta ơi	1	1. Kiến thức - Công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn. - Các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa được sử dụng trong VB văn học và tác dụng của các biện pháp tu từ đó. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận. b. Năng lực riêng	

			- Nhận diện và phân tích tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn; - Nhận diện và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.	
63,64,65	Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt	3	1. Kiến thức - Tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể là nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh... 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. b. Năng lực riêng - Nhận biết được chủ đề và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh... - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Cửu Long Giang ta ơi</i>; - Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.	
66	Chia sẻ một trải nghiệm	1	1. Kiến thức:	

	về nơi em sống hoặc từng đến		- Một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia. - Cách nói và nghe phù hợp: + Với tư cách người nói, HS có thể dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho bài nói, biết phát huy lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời; + Với tư cách người nghe, HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo. b. Năng lực đặc thù: Góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy nói và nghe. Một số kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được tích hợp trong quá trình dạy đọc, viết, nói và nghe. Qua bài học, học sinh biết: - Nói: Kể và miêu tả được một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia. - Nghe: Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác. - Nói, nghe tương tác: Biết tham gia và trình bày thảo luận, biết đặt và trả lời câu hỏi... 3. Phẩm chất: - Nhân ái: yêu thương quê hương, đất nước, con người,... - Chia sẻ: Biết chia sẻ với mọi người xung quanh về suy nghĩ của mình. - Tự hào: Tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người,... - Có ý thức tự giác, tích cực bảo vệ quê hương, đất nước.	
67	Củng cố, mở rộng + Thực hành đọc	1	1. Kiến thức: - Kết quả tự đọc các văn bản có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các văn bản trong bài 4 (<i>Quê hương yêu dấu</i>) và bài 5 (<i>Những nẻo đường xứ sở</i>). - Nội dung cơ bản của văn bản đọc; một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nét độc đáo của bài thơ; người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí. 2. Năng lực: a. Năng lực chung:	

			- Trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... b. Năng lực đặc thù: - Chia sẻ với thầy cô và các bạn về nội dung bài tự đọc đã chuẩn bị; - Thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng được học để phân tích các yếu tố trong văn bản tự đọc. 3. Phẩm chất: - Những phẩm chất được gọi ra từ nội dung của VB đọc: + Yêu và tự hào về quê hương, đất nước; + Chia sẻ, giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương, đất nước; + Có ý thức giữ gìn, bảo vệ, phát huy những giá trị của quê hương, đất nước.	
68,69	Ôn tập học kì I	2	1. Kiến thức: - củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì I. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Biết giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, tăng cường giao tiếp, biết hợp tác... b. Năng lực đặc thù: - Nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học. - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu. 3. Phẩm chất: - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.	
70,71	Kiểm tra học kì I	2	1. Kiến thức: - Khả năng nắm kiến thức đọc – hiểu văn bản đã học trong chương trình (từ bài 1 đến bài 5) hoặc văn bản ngoài chương trình. - Kiến thức phần Tiếng Việt với các nội dung về cấu tạo từ, nghĩa của từ, cụm từ, các biện pháp tu từ, dấu câu. - Các kiểu văn bản đã học: kể, bộc lộ cảm nghĩ, tả, trình bày ý kiến. 2. Năng lực:	- Thời gian: 90 phút - Hình thức: Viết, tự luận

			a. Năng lực chung: - Tự chủ bản thân trong việc nắm và vận dụng kiến thức đã học; - Giải quyết vấn đề đặt ra theo yêu cầu của đề bài. b. Năng lực đặc thù: - Biết tìm hiểu, phân tích yêu cầu của đề bài trước khi làm bài; - Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết yêu cầu đặt ra của đề bài; - Biết trình bày bài viết hoàn chỉnh. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, chịu khó chuẩn bị kiến thức vận dụng làm bài; - Trung thực, tự giác trong quá trình làm bài kiểm tra.	
72	Trả bài kiểm tra học kì I	1	1. Kiến thức: - Những điểm mạnh, điểm yếu trong việc vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra. - Hướng phát huy điểm mạnh, khắc phục những tồn tại, thiếu sót từ bài kiểm tra để rút kinh nghiệm. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Biết hợp tác, chia sẻ, cùng nhau trao đổi về bài làm; - Sáng tạo, đề xuất được hướng khắc phục thiếu sót. b. Năng lực đặc thù: - Đánh giá được khả năng của bản thân, đánh giá bài làm của bạn về kiến thức và kĩ năng làm bài tổng hợp; - Biết rút kinh nghiệm từ những sai sót để bài làm hoàn chỉnh. 3. Phẩm chất: - Chân thành, thẳng thắn khi góp ý cho bạn; - Khiêm tốn, trung thực khi nói về bản thân, biết nhìn nhận đúng – sai để hoàn thiện mình.	
	BÀI 6: CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG	14	MỤC TIÊU CHUNG BÀI 6 - Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo, nhận biết được chủ đề của VB. - Nhận biết được VB thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai VB theo trật tự thời gian.	

			- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp). - Bước đầu biết viết một văn bản thông tin thuật lại một sự kiện. - Kể được một truyền thuyết. - Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.	
73, 74	Thánh Gióng	2	1. Kiến thức Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn - Chủ đề của truyện - Đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyền thuyết, tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo... - Một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề đơn giản của đời sống, khoa học, nghệ thuật, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm b. Năng lực chuyên biệt – Năng lực đặc thù - Năng lực đọc – hiểu văn bản: trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Thánh Gióng - Năng lực ngôn ngữ: làm chủ ngôn ngữ: trao đổi, giao tiếp, chia sẻ suy nghĩ về văn bản Thánh Gióng - Năng lực thẩm mĩ: phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất	

			- Yêu nước: niềm tự hào đối với lịch sử quê hương đất nước và truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.	
75	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức - Cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ - Từ ghép và từ láy, biết phân biệt 2 loại từ này - Biện pháp tu từ so sánh, biết sử dụng trong khi nói, viết - Cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố <i>giả</i> (kê, người) nhằm phát triển vốn từ Hán Việt. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề đơn giản của đời sống, khoa học, nghệ thuật, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập. b. Năng lực chuyên biệt - Năng lực ngôn ngữ: phân tích cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, xác định được ý nghĩa của cụm động từ, cụm tính từ; nhận diện và phân biệt từ ghép, từ láy, cách dùng biện pháp tu từ so sánh trong các ngữ cảnh quen thuộc và điền hình; nhận diện, phân tích cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố <i>giả</i> (kê, người), cách dùng từ Hán Việt trong các ngữ cảnh quen thuộc và điền hình. Tạo lập văn bản ngắn có sử dụng các yếu tố tiếng Việt. 3. Phẩm chất - Ham học: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng	

			ngày.	
76, 77	Son Tinh, Thủy Tinh	2	1. Kiến thức: - Ý nghĩa, chủ đề của truyện - Đặc điểm cơ bản của thể loại truyền thuyết trong VB truyện các sự kiện thường được kết nối với nhau bởi một chuỗi quan hệ nguyên nhân – kết quả; nhân vật có nhiều đặc điểm kì lạ, có thể có dấu vết của nhân vật thần trong thần thoại, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo, nội dung của truyện cũng có thể hướng đến việc lý giải nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết, mùa... - Tình huống giả định: Nếu là một nhân vật trong truyền thuyết thì sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào? 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Son Tinh, Thủy Tinh</i> - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Son Tinh, Thủy Tinh</i> - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: niềm tự hào đối với lịch sử quê hương đất nước và truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng	
78	Ai ơi mùng 9 tháng 4	1	1. Kiến thức - Tri thức ngữ văn (truyền thuyết, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật). - Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật	

			tự thời gian. - Công dụng của dấu chấm phẩy. 2. Năng lực - Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, chủ đề văn bản). - Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong chuỗi liệt kê phức tạp). - Kể được một truyền thuyết. 3. Về phẩm chất - Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.	
79	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức: - Công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng dấu chấm phẩy trong việc viết câu và đoạn văn. - Cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố <i>thủy</i> (nước) nhằm phát triển vốn từ Hán Việt, nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng xuất hiện trong văn bản đọc hiểu. - Biện pháp tu từ điệp ngữ qua việc tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ cũng như chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ này. 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực sử dụng dấu chấm phẩy trong việc viết câu và đoạn văn. - Năng lực nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố <i>thủy</i> (nước) nhằm phát triển vốn từ Hán Việt, nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng xuất hiện trong văn bản đọc hiểu. - Năng lực nhận diện điệp ngữ, cách dùng điệp ngữ trong các 3. Phẩm chất - Yêu quý và tự hào ngôn ngữ dân tộc - Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.	

			- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.	
80,81, 82,83	Viết văn thuyết minh về một sự kiện	4	1. Kiến thức: - Chức năng của kiểu VB thuyết minh thuật lại một sự kiện trong đời sống cũng như đặc điểm cơ bản của nó. - Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh. Cụ thể bài này yêu cầu HS viết bài văn thuyết minh theo ngôi thứ nhất (số ít hoặc số nhiều) với gợi ý đề tài tương đối mở. Điều này tạo điều kiện cho HS được viết dựa trên tiến trình hướng đến trải nghiệm cá nhân của người học, có kết nối nhất định với các truyền thuyết hoặc với không gian văn hóa dân gian. 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. Đề từ đó biết thuyết minh lại một sự kiện. - Năng lực tự học: HS có ý thức tự học thu thập tư liệu hoàn thành nhiệm vụ được giao. - Năng lực hợp tác: Có khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận để đưa ra kết quả nhanh nhất, chính xác nhất trong một tình huống, vấn đề cụ thể, thời gian cụ thể. - Năng lực giao tiếp: biết lắng nghe và phản hồi tích cực khi giao tiếp b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực quan sát một sự kiện. - Năng lực sử dụng ngôn ngữ để tạo lập một văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh một cách chính xác, hấp dẫn. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, trách nhiệm: Có ý thức vận dụng kiến thức vào tạo lập văn bản. - Yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.	

84,85	Kể lại một truyện truyền thuyết	2	1. Kiến thức: - Truyền thuyết cần kể (nếu không phải đã được chỉ định) - HS kể lại truyền thuyết một cách đầy đủ, chính xác, hấp dẫn. - HS biết cách nói và nghe phù hợp, người nói là người nắm rõ câu chuyện, tường thuật theo lối kể chuyện thông thường (kể lại cho người khác nghe một câu chuyện mà mình biết bằng ngôi thứ ba), người nghe tiếp nhận và có phản hồi tích cực, xây dựng. 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. Để từ đó biết kể lại truyện truyền thuyết. - Năng lực tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành. - Năng lực giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực trình bày một truyện truyền thuyết, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực sáng tạo để kể lại truyền thuyết một cách đầy đủ, chính xác, hấp dẫn. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, trách nhiệm: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.	
86	Củng cố, mở rộng+ Thực hành đọc	1	1. Kiến thức: - HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc và sưu tầm các bản kể khác của các truyền thuyết đã học. Qua việc chia sẻ kết quả tự đọc và sưu tầm, HS thể hiện hiểu biết về các đặc điểm của truyền thuyết. - HS tìm hiểu, giới thiệu được một tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện <i>Thánh Gióng</i> và <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>. - Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của truyện Bánh chưng bánh giầy	

			- Các chi tiết chính của truyện Bánh chưng bánh giầy - Thể loại, kể lại cốt truyện Bánh chưng bánh giầy 2. Năng lực - Năng lực hợp tác : Có khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận để đưa ra kết quả nhanh nhất, chính xác nhất trong một tình huống, vấn đề cụ thể, thời gian cụ thể. - Năng lực giao tiếp: biết lắng nghe và phản hồi tích cực khi giao tiếp - Năng lực tư duy, NL sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh, tình huống giao tiếp - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: trình bày và trao đổi thông tin trước lớp. - Năng lực đọc diễn cảm, sáng tạo một truyện truyền thuyết - Năng lực thưởng thức văn bản. 3. Phẩm chất - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.	
	BÀI 7: THỂ GIỚI CỔ TÍCH	12	MỤC TIÊU - Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo. - Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn. - Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe. - Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích. - Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động. - Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.	
87, 88	Thạch Sanh	2	1. Kiến thức - Ấn tượng chung về văn bản. - Chủ đề của câu chuyện. - HS tóm tắt được câu chuyện.	

		- Những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, đồ vật kì ảo; lời kể chuyện,... - Bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm. 2. Năng lực a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh liên quan đến bài học. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng giải quyết những vấn đề đặt ra trong cuộc sống. - Năng lực hợp tác: Có khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận để đưa ra kết quả nhanh nhất, chính xác nhất trong một tình huống, vấn đề cụ thể, thời gian cụ thể - Năng lực giao tiếp: biết lắng nghe và phản hồi tích cực khi giao tiếp - Năng lực tư duy, NL sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh, tình huống giao tiếp b. Năng lực đặc thù: - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Thạch Sanh</i>; - Đọc hiểu văn bản truyện cổ tích theo đặc trưng thể loại. Trình bày những suy nghĩ, tình cảm về nhân vật dũng sĩ. - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Thạch Sanh</i> : - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện Thạch Sanh - Năng lực phân tích phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của truyện cổ tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích Thạch Sanh với các truyện cùng chủ đề, vận dụng viết được đoạn văn, bài văn tự sự. 3. Phẩm chất: - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn. - Biết ghét cái ác, yêu cái thiện, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi.	
--	--	---	--

			Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.	
89	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức: - Nghĩa của từ ngữ trong văn bản (suy đoán, tra từ điển; đặc biệt là cách suy đoán). - Mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành (Nghĩa của từ ngữ, chuẩn bị phần bài tập) - Năng lực giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VĐ mà giáo viên giao. - Năng lực hợp tác: Tích cực cùng trao đổi thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao cho nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. Để từ đó nhận biết nghĩa của từ và suy đoán nghĩa của thành ngữ cụ thể (ngữ cảnh). b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Khi viết, trình bày bài tập và khi lắng nghe và nhận xét bài làm của bạn. - Năng lực văn học: Nhận diện nghĩa của từ, suy đoán nghĩa của thành ngữ trong ngữ cảnh cụ thể. 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng tình yêu văn chương. - Có thái độ đúng mực khi trao đổi thảo luận các nhiệm vụ được giao. - Rèn đức tính, phẩm chất tốt đẹp từ các thành ngữ.	

90, 91	Cây khế	2	1. Kiến thức: - Người kể chuyện ngôi thứ ba, chủ đề câu chuyện diễn biến cốt truyện, kể tóm tắt. - Những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật; các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, không gian kì ảo; lời kể chuyện... - Bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm qua câu chuyện. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự học: HS có ý thức tự học thu thập tư liệu hoàn thành nhiệm vụ GV giao cho cá nhân – nhóm. - Góp phần phát triển năng lực đọc - hiểu văn bản truyện cổ tích cho HS: + Nhận biết, phân tích và cảm nhận được các đặc điểm của nhân vật. + Chỉ ra được những nghệ thuật đặc sắc của truyện. + Liên hệ với đặc điểm tính cách của nhân vật với đời sống thực tế qua gia cảnh của hai anh em. + Hiểu được bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm qua câu chuyện. - Năng lực giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VĐ mà giáo viên giao. - Năng lực hợp tác: Tích cực cùng trao đổi, thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về các vấn đề liên quan đến văn bản. - Năng lực giải quyết vấn đề: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. Để từ đó hiểu được giá trị ý nghĩa của câu chuyện. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Khi chia sẻ những câu chuyện, bộ phim ấn tượng và có ý nghĩa về gia đình; trình bày ý kiến về giá trị của tác phẩm hay khi viết các vấn đề về tác phẩm hoặc có liên quan đến tác phẩm. - Năng lực văn học: Cảm thụ về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản; phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có	
-----------	---------	---	---	--

			cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng tình yêu văn chương, tình yêu gia đình. - Bồi dưỡng lòng đồng cảm, sẻ chia và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh. - Bồi dưỡng thái độ sống tự chủ, sống có trách nhiệm, biết vươn lên trong mọi hoàn cảnh.	
92	Vua chích chòe	1	1. Kiến thức: - Người kể chuyện ngôi thứ ba, chủ đề câu chuyện diễn biến cốt truyện, kể tóm tắt. - Những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật; các yếu tố kì ảo, không gian kì ảo; lời kể chuyện... - Bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm qua câu chuyện. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự học: HS có ý thức tự học thu thập tư liệu hoàn thành nhiệm vụ GV giao cho cá nhân – nhóm. - Góp phần phát triển năng lực đọc - hiểu văn bản truyện cổ tích cho HS: + Nhận biết, phân tích và cảm nhận được các đặc điểm của nhân vật. + Chỉ ra được những nghệ thuật đặc sắc của truyện. + Liên hệ với đặc điểm tính cách của nhân vật với đời sống thực tế qua nhân vật công chúa và người hát rong. + Hiểu được bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm qua câu chuyện. - Năng lực giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VĐ mà giáo viên giao. - Năng lực hợp tác: Tích cực cùng trao đổi, thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về các vấn đề liên quan đến văn bản.	

			- Năng lực giải quyết vấn đề: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. Để từ đó hiểu được giá trị ý nghĩa của câu chuyện. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Trình bày ý kiến về giá trị của tác phẩm hay khi viết các vấn đề về tác phẩm hoặc có liên quan đến tác phẩm. - Năng lực văn học: Cảm thụ về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản; phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng tình yêu văn chương. - Bồi dưỡng thái độ khiêm nhường, chân thành, sự bao dung với những người biết quay đầu hoàn lương; phê phán tính cách kiêu ngạo, ngông cuồng, thích nhạo báng người khác.	
93	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức - Nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng. - Biện pháp tu từ điệp ngữ. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành (Nghĩa của từ ngữ, biện pháp tu từ). - Năng lực giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. - Năng lực hợp tác: Tích cực cùng trao đổi thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao cho nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. Để từ đó nhận biết nghĩa của từ, phân tích tác dụng của biện pháp tu từ.	

			b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Khi viết, trình bày bài tập và khi lắng nghe và nhận xét bài làm của bạn. - Năng lực văn học: Nhận diện nghĩa của từ, phân tích tác dụng của biện pháp tu từ. 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng tình yêu văn chương. - Có thái độ đúng mực khi trao đổi thảo luận các nhiệm vụ được giao.	
94, 95	Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một chuyện cổ tích	2	1. Kiến thức: - Câu chuyện cổ tích với ngôi thứ nhất, nhân vật kể chuyện, điểm nhìn thích hợp; lời kể phù hợp, đảm bảo nội dung của truyện gốc và có sự sáng tạo mới mẻ. - Trí tưởng tượng, sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ trần thuật, miêu tả. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành (Lựa chọn câu chuyện/nhân vật, chọn ngôi kể và đại từ tương ứng, chọn lời kể phù hợp, nội dung chính của truyện, lập dàn ý) - Năng lực giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. - Năng lực hợp tác: Tích cực cùng trao đổi thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao cho nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Khi viết, trình bày bài văn; khi lắng nghe và nhận xét bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích của bạn. - Năng lực văn học: Cảm thụ bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích. 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng tình yêu văn chương. - Có thái độ đúng mực khi trao đổi thảo luận các nhiệm vụ được giao.	

			- Rèn đức tính, phẩm chất tốt đẹp từ các nhân vật, ý nghĩa câu chuyện.	
96,97	Kể lại một truyện cổ tích qua lời một nhân vật	2	1. Kiến thức: - Một câu chuyện cổ tích bằng lời một nhân vật. 2. Năng lực a. Năng lực chung - Năng lực tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học để thu thập tư liệu hoàn thành nhiệm vụ (Lựa chọn câu chuyện/nhân vật, Chuẩn bị trước khi nói, Tập luyện) - Năng lực giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VĐ mà giáo viên giao. - Năng lực giải quyết vấn đề : Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Khi viết, khi kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật, lắng nghe, đánh giá phần trình bày của các bạn. - Năng lực văn học: Kể lại câu chuyện bằng lời của mình, câu chuyện vừa sát truyện gốc vừa có sự sáng tạo. 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng tình yêu văn chương. - Có thái độ đúng mực khi trao đổi thảo luận các nhiệm vụ được giao. - Rèn đức tính, phẩm chất tốt đẹp từ các nhân vật, ý nghĩa câu chuyện và trách nhiệm với cộng đồng.	
98	Củng cố, mở rộng+Thực	1	1. Kiến thức:	

	hành đọc	- Củng cố kiến thức nội dung của Bài 7. Thế giới truyện cổ tích qua các bài tập vận dụng. - Thực hành đọc văn bản “Sọ Dừa” để thấy được sức hấp dẫn của các yếu tố kì ảo trong câu chuyện; quan hệ giữa hình dáng và phẩm chất của nhân vật Sọ Dừa; Ước mơ của tác giả dân gian qua kết thúc truyện. Đọc mở rộng thêm về một số truyền thuyết, truyện cổ tích mà HS yêu thích. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề qua việc xử lí các bài tập củng cố kiến thức trong bài 7; - Phát triển năng lực tự quản bản thân khi trình bày bài tập củng cố; - Thực hành tốt năng lực giao tiếp qua trao đổi bài tập củng cố, mở rộng ; - Phát triển năng lực hợp tác...với bạn trong nhóm lớp để hoàn thành nhiệm vụ được giao. b. Năng lực riêng biệt: - Biết và vận dụng được kiến thức đã học để làm tốt các bài tập củng cố kiến thức của các văn bản trong bài 7. Truyện cổ tích qua các phiếu học tập và bảng đánh giá về: đặc điểm truyện cổ tích, sưu tầm các bản kể, các hình thức kể chuyện khác, viết các đoạn văn...; - Biết chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc văn bản có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các văn bản truyện cổ tích đã học qua văn bản “Sọ Dừa”: cốt truyện, nhân vật, lời kể, các yếu tố kì ảo, mối quan hệ giữa ngoại hình và phẩm chất nhân vật, chủ đề, thông điệp; - So sánh, liên hệ giữa văn bản thực hành đọc với các văn bản 1,2,3 của bài học; - Biết tìm đọc và kể lại được một số truyền thuyết và truyện cổ tích mà HS thích; - Trao đổi về những cảm nhận, suy nghĩ của bản thân khi đọc những truyền thuyết, truyện cổ tích mới. 3. Phẩm chất: - Giúp HS hình thành, bồi dưỡng lối sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn và biết đồng cảm, sẻ chia.	
--	----------	--	--

	BÀI 8: KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI	14	MỤC TIÊU CHUNG BÀI - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. - Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn. - Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ, hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa. - Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. - Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác. - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.	
99,100	Ôn tập giữa kì II	2	1. Kiến thức: - Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn + Đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận; mối liên hệ giữa các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận. + Đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản. - củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe (văn bản thuộc thể loại truyền thuyết và truyện cổ tích); kiến thức về tiếng Việt đã học ở nửa học kì II qua các bài: Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng; Bài 7. Thế giới cổ tích. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe qua các truyền thuyết và các truyện cổ tích mới. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực giải quyết vấn đề qua thực hành các bài tập về các bài tập trong tiết học; - Rèn năng lực tự quản bản thân - biết cách làm chủ cảm xúc, hành vi, thái độ trước bạn bè...;	

			- Phát triển năng lực giao tiếp qua thực hành các hoạt động trong tiết ôn tập; - Phát triển năng lực hợp tác... tích cực trong thực hành, vận dụng bài tập. b. Năng lực riêng biệt: - Biết cách đọc hiểu các văn bản thuộc thể loại truyền thuyết, truyện cổ tích mới nhưng tương tự về chủ đề của các văn bản đã học ở bài 6 và 7; - Nhận biết, phân tích, lí giải được một số yếu tố của truyền thuyết và truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo, chủ đề, ý nghĩa văn bản, các bài học cuộc sống được gợi ra từ những truyền thuyết mới và truyện cổ tích mới); - Vận dụng được những kiến thức và năng lực đã học ở các bài 6 và 7 để thực hành các năng lực viết (viết các đoạn văn ngắn từ 5-7 câu hoặc bài văn ngắn một trang giấy có tích hợp tiếng Việt; đoạn văn tóm tắt văn bản – tùy theo năng lực với độ dài ngắn riêng); nói (trình bày, thuyết trình, giảng giải các bài tập vận dụng); nghe (lắng nghe tích cực và biết phản hồi, trao đổi tích cực) đối với các bài truyền thuyết và truyện cổ tích mới. - Vận dụng tốt các kiến thức tiếng Việt như dấu chấm phẩy, kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói nghe các bài truyền thuyết, truyện cổ tích mới; - Rèn năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; - Phát triển năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; - Rèn năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận các nội dung của tiết ôn tập. 3. Phẩm chất: - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập. - Hình thành lòng tự hào dân tộc qua các truyền thuyết và truyện cổ tích mới. Bồi dưỡng lòng vị tha, yêu thương con người, trung thực, khiêm tốn, dũng cảm, sáng tạo, ...	
--	--	--	---	--

101, 102	Kiểm tra giữa kì II	2	1. Kiến thức: - HS biết vận dụng kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì II (bài 6,7,8) để làm bài kiểm tra. - Đánh giá việc HS tiếp thu và vận dụng kiến thức, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của HS. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. b. Năng lực đặc thù: - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các bài học - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; - Năng lực đọc, viết, tạo lập văn bản. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ trong quá trình học tập và làm bài - Trung thực trong quá trình làm bài	- Thời gian: 90 phút - Hình thức: Viết, tự luận
-------------	---------------------	---	---	--

103, 104	Xem người ta kìa	2	1. Kiến thức: - HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận. - Nhận biết được vấn đề văn bản đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người. - Trình bày được phương thức biểu đạt chính (phương thức nghị luận) bên cạnh một số phương thức khác (tự sự, biểu cảm) mà người viết sử dụng đan xen trong văn bản nghị luận. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Xem người ta kìa</i> - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Xem người ta kìa</i> - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện. - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.	
105	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức: - Những đặc điểm về hình thức, chức năng của trạng ngữ, tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong việc biểu đạt nghĩa. - Thành ngữ trong VB đọc và ý nghĩa của thành ngữ được sử dụng. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành yêu cầu của gv về	

			thành ngữ, trạng ngữ. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. Tích cực cùng trao đổi thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao cho nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. Để từ đó nhận biết và bước đầu sử dụng được thành ngữ, trạng ngữ. b. Năng lực đặc thù: - Nhận biết được đặc điểm về hình thức, chức năng của trạng ngữ - Hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong việc biểu đạt nghĩa. - Vận dụng sử dụng trạng ngữ và lựa chọn từ ngữ trong nói và viết. 3. Phẩm chất: - Yêu nước, nhân ái (yêu quý, tự hào về tiếng nói dân tộc). - Trách nhiệm, chăm chỉ (giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt; tích cực, tự giác học tập...)	
106, 107	Hai loại khác biệt	2	1. Kiến thức: - Sự phong phú của chủ đề bài học, khắc sâu những kiến thức về loại văn bản nghị luận. Về chủ đề, văn bản đề cao yêu cầu khác biệt nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người. - Những cách thức trình bày ý kiến trong VB nghị luận đúng yêu cầu. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: HS có ý thức tự học thu thập tư liệu hoàn thành nhiệm vụ GV giao cho cá nhân – nhóm - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. Tích cực cùng trao đổi thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao cho nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. b. Năng lực đặc thù:	

			- Năng lực đọc hiểu: Góp phần phát triển năng lực đọc - hiểu văn bản truyện nước ngoài có yếu tố nghị luận cho HS. - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Khi chia sẻ những câu chuyện, có ý nghĩa đối với cuộc sống; trình bày ý kiến về giá trị của tác phẩm khi viết các vấn đề liên quan đến tác phẩm. - Năng lực văn học: Cảm thụ về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản; phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề. 3. Phẩm chất: - Trung thực: Sống trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. - Nhân ái, khoan dung: Không chỉ biết tha thứ mà còn tôn trọng sự khác biệt.	
108	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức: - Viết/ nói phải lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu. - Từ ngữ và cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu VB với mục đích viết/ nói cụ thể. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành yêu cầu của gv về lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. Tích cực cùng trao đổi thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao cho nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. Để từ đó nhận biết được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu và bước đầu sử dụng được từ ngữ và cấu trúc câu. b. Năng lực đặc thù: Năng lực nhận biết và hiểu được việc phải lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu VB với mục đích viết/ nói cụ thể.	

			3. Phẩm chất: - Yêu nước, nhân ái (yêu quý, tự hào về tiếng nói dân tộc). - Trách nhiệm, chăm chỉ (giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt; tích cực, tự giác học tập...)	
109	Bài tập làm văn	1	1. Kiến thức: - Sự khác nhau căn bản giữa VB nghị luận và VB văn học. - Cách đọc phù hợp với từng loại VB. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành yêu cầu của gv . - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. Tích cực cùng trao đổi thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao cho nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. b. Năng lực đặc thù: - Năng lực nhận biết: Thấy được sự khác nhau căn bản giữa VB nghị luận và VB văn học. - Năng lực tư duy ngôn ngữ: lựa chọn cách lập luận ; suy nghĩ, phê phán, phân tích đưa ra ý kiến các nhận đánh giá chất lượng bài làm của mình so với yêu cầu của đề bài về quá trình tạo lập văn bản. 3. Phẩm chất: - Yêu nước, nhân ái (yêu quý, tự hào về tiếng nói dân tộc). - Trách nhiệm, chăm chỉ: Có ý thức rèn luyện ngôn ngữ.	

110, 111,112	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm	3	1. Kiến thức: - Những ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản. - Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận dùng lý lẽ bằng chứng có phương thức biểu đạt phù hợp. - Những vấn đề cần bàn luận, ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành yêu cầu của gv . - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. Tích cực cùng trao đổi thảo luận với nhóm trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao cho nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề, hoặc hợp tác với nhóm để giải quyết vấn đề. b. Năng lực đặc thù: - Năng lực nhận biết, vận dụng các đặc trưng của kiểu bài văn nghị luận, dùng lý lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp. 3. Phẩm chất: - Yêu nước, nhân ái (yêu quý, tự hào về tiếng nói dân tộc). - Trách nhiệm, chăm chỉ (giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; tích cực, tự giác học tập...).	
113	Củng cố, mở rộng + Trả bài kiểm tra giữa kì II	1	1. Kiến thức: - Hai chủ đề bài học và loại văn bản : + Khẳng định cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết. + Trong cuộc sống của mỗi người cần có sự thấu hiểu thông cảm. - Những ưu, nhược điểm trong bài kiểm tra của HS sau khi GV chấm chữa bài 2. Năng lực: a. Năng lực chung:	

			- Năng lực tự chủ và tự học: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà HS có ý thức tự học, tự chủ thu thập tư liệu để hoàn thành yêu cầu của gv . - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khi trao đổi nhóm, trình bày VD mà giáo viên giao. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trên cơ sở nhiệm vụ của giáo viên giao hiểu được vấn đề. b. Năng lực đặc thù: - Năng lực tư duy ngôn ngữ: suy nghĩ, phê phán, phân tích đưa ra ý kiến, đánh giá chất lượng bài làm của mình, của các bạn so với yêu cầu của đề bài . - Năng lực ra quyết định: ý thức tự giác tích cực trong việc chữa lỗi, tự đánh giá bài làm; có kinh nghiệm và quyết tâm làm tốt hơn bài sau. 3. Phẩm chất: - Yêu nước, nhân ái (yêu quý, tự hào về tiếng nói dân tộc). - Trách nhiệm, chăm chỉ: nâng cao ý thức học tập, tích hợp trong bộ môn Ngữ Văn.	
	BÀI 9: TRÁI ĐẤT-NGÔI NHÀ CHUNG	12	MỤC TIÊU CHUNG BÀI 9 - Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn. - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu... - Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp. - Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách, tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã học. - Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất. - Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân, có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.	

114, 115	Trái đất- cái nôi của sự sống	2	1. Kiến thức: Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn - Trái Đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời, nước là vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất, Trái Đất là nơi cư ngụ của muôn loài. - Tình trạng trái đất hiện nay. 2. Năng lực: - Nhận biết được các thành phần của văn bản thông tin gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn, tranh ảnh. - HS phân tích được trình tự văn bản: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo trình tự nhân quả. - HS thấy được những nhân tố đe dọa môi trường trên trái đất. 3. Phẩm chất: - Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên trái đất.	
116	Thực hành tiếng Việt	1	1. Kiến thức: - Đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn. 2. Năng lực: - Thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá...) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản. 3. Phẩm chất: - Yêu văn chương. - Có thái độ đúng mực khi trao đổi thảo luận các nhiệm vụ được giao.	
117	Các loài chung sống với nhau như thế nào?	1	1. Về kiến thức: - Vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin. - Mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản. - Tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này. 2. Về năng lực: - Biết thu thập thông tin liên quan đến văn bản <i>Các loài cùng chung sống với nhau như thế nào?</i> - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản <i>Các loài cùng chung sống với nhau như thế nào?</i>	

			- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề. 3. Về phẩm chất: - Đoàn kết, thật thà, lương thiện.	
118	Thực hành tiếng Việt	1	1. Về kiến thức: - Hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay. 2. Về năng lực: - Nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay. - Hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội. 3. Về phẩm chất: - Yêu văn chương. - Cần cù, chịu khó	
119	Trái đất	1	1. Về kiến thức: - Thái độ của nhà thơ với những kẻ đang hủy hoại Trái đất và thái độ của nhà thơ với Trái đất. - Ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta 2. Về năng lực: - Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin. - Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ. - Học sinh xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta 3. Về phẩm chất: - Nhân ái: Tình yêu thương giữa con người với con người, sự giúp đỡ lẫn nhau...để bảo vệ Trái đất, bảo vệ môi trường sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống.	

120, 121	Viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận	2	1. Kiến thức - Ý nghĩa, vị trí riêng của VB nhật dụng trong đời sống và biết cách viết một biên bản họp thức về một cuộc họp, cuộc thảo luận. - Tầm quan trọng của kĩ năng tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích lũy tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản đã học. 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Tự chủ và tự học ý nghĩa của VBND, hợp tác với các bạn trong thảo luận, sáng tạo trong vẽ sơ đồ nội dung bài học ... b. Năng lực đặc thù: - Nhận biết, viết một biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận theo đúng nội dung đã quy định. - Cẩn trọng, nghiêm túc trong việc bài trí về mặt hình thức một văn bản viết. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ: Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt, tích cực, tự giác học tập...	
122	Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một bài học đơn giản	1	1. Kiến thức - Ý nghĩa, vị trí riêng của VB nhật dụng trong đời sống. - Hình thức của một biên bản về một cuộc họp, cuộc thảo luận. - Tầm quan trọng của kĩ năng tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích lũy tài liệu; - Sơ đồ nội dung một VB đơn giản đã học. 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Tự chủ trong tiếp thu kiến thức bài học, giao tiếp và hợp tác với các bạn trong giải quyết yêu cầu bài tập, sáng tạo trong nhiệm vụ được giao. b. Năng lực đặc thù: - Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản có tính trực quan, tính lô-gíc, tính khoa học, tính khái quát và tính thẩm mỹ. 3. Phẩm chất	

			- Trách nhiệm, chăm chỉ; Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt - Tích cực, tự giác học tập...	
123,124	Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường	2	1. Kiến thức - Giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, trên tinh thần mong muốn chất lượng cuộc sống của chính bản thân và của cả cộng đồng phải được cải thiện. - Lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau. 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Tự chủ trong đề xuất ý kiến, giao tiếp và hợp tác với nhóm để hoàn thành bài tập, sáng tạo trong học tập và hợp tác nhóm... b. Năng lực đặc thù: - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. - Trình bày các giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường. Đưa ra các giải pháp tối ưu để bảo vệ môi trường. - Lắng nghe các ý kiến thảo luận, đề xuất ý kiến cá nhân, đưa ra giải pháp tốt nhất để bảo vệ môi trường. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: giữ gìn, bảo vệ môi trường sống. - Chăm chỉ, tích cực trong nghiên cứu và tìm hiểu vấn đề MT; tự giác học tập...	
125	Củng cố, mở rộng + Thực hành đọc	1	1. Kiến thức - Các VB nghị luận và VB thông tin có nội dung gần gũi với các VB trong bài 8. Khác biệt và gần gũi và bài 9. Trái Đất – ngôi nhà chung. - Nội dung cơ bản của văn bản đọc, - Một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua VB. 2. Năng lực a. Năng lực chung: - Khả năng vận dụng kiến thức, trải nghiệm và kĩ năng được học trong mỗi bài đã học để tự đọc những VB mới thuộc loại VB nghị luận và VB thông tin.	

			b. Năng lực đặc thù: - Đọc độc lập văn bản; giao tiếp và thảo luận với nhóm; trình bày, thuyết trình ý kiến cá nhân; hợp tác với các bạn trong học tập và thảo luận.. 3. Phẩm chất - Yêu quê hương, đất nước; ý thức trách nhiệm với vấn đề thảo luận - Ý thức tự giác, tích cực của trong học tập.	
	BÀI 10: CUỐN SÁCH TÔI YÊU	12	MỤC TIÊU CHUNG BÀI 10 - Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học. - Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học. - Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. - Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc. - Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.	
126, 127, 128, 129	Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách	4	1. Kiến thức: - Xác định chủ đề và lựa chọn được cuốn sách có nội dung phù hợp để đọc và giới thiệu - Chia sẻ được những điều thú vị nhất về cuốn sách đã đọc - Giới thiệu tên cuốn sách hay và thuyết phục các bạn cùng đọc. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực thu thập và lựa chọn được cuốn sách phù hợp, hay, bổ ích. - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách - Năng lực phân tích, so sánh đánh giá, liên hệ những vấn đề trong cuộc sống được gọi ra từ cuốn sách. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, trung thực, yêu sách, trân quý những tình cảm cao đẹp được gọi ra từ sách	

130, 131, 132, 133	Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả	4	1. Kiến thức: - Xác định chủ đề và lựa chọn được cuốn sách có nội dung phù hợp để đọc và giới thiệu - Chia sẻ được những điều thú vị nhất về cuốn sách đã đọc - Giới thiệu tên cuốn sách hay và thuyết phục các bạn cùng đọc. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... b. Năng lực riêng biệt: - Năng lực thu thập và lựa chọn được cuốn sách phù hợp, hay, bổ ích. - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách - Năng lực phân tích, so sánh đánh giá, liên hệ những vấn đề trong cuộc sống được gợi ra từ cuốn sách. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, trung thực, yêu sách, trân quý những tình cảm cao đẹp được gợi ra từ sách.	
134, 135	Về đích: Ngày hội với sách	2	1. Kiến thức: - HS tiếp tục thực hiện hoạt động báo cáo kết quả: thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh họa sách. - HS biết trưng bày sản phẩm của mình đẹp, khoa học. - HS biết cách nói và nghe phù hợp: + Biết thuyết trình về sản phẩm của nhóm/ cá nhân, tạo sự lôi cuốn người nghe và tiếp thu các ý kiến đánh giá, nhận xét. + HS biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày và đưa ra nhận xét đúng/ Phản hồi tích cực. 2. Năng lực - Năng lực giới thiệu hoặc trình bày ý kiến về một cuốn sách - Biết trình bày ý kiến, thảo luận về cuốn sách yêu thích hoặc về một vấn đề	

			trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc. - Đưa ra được các ý tưởng, sáng tạo được các poster giới thiệu về cuốn sách có tính thẩm mỹ. 3. Phẩm chất: - Ý thức đọc sách và có ý thức giữ gìn sách. - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập. - Ý thức hoàn thành nhiệm vụ được giao.	
136,137	Ôn tập học kì II	2	1. Kiến thức: - củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì I. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Biết giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, tăng cường giao tiếp, biết hợp tác... b. Năng lực đặc thù: - Nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học. - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu. 3. Phẩm chất: - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.	

138, 139	Kiểm tra cuối kì II	2	1. Kiến thức: - Khả năng nắm kiến thức đọc – hiểu văn bản đã học trong chương trình (từ bài 7 đến bài 10) hoặc văn bản ngoài chương trình. - Kiến thức phần Tiếng Việt với các nội dung về cấu tạo từ, nghĩa của từ, cụm từ, các biện pháp tu từ, dấu câu. - Các kiểu văn bản đã học: kể, bộc lộ cảm nghĩ, tả, trình bày ý kiến. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: - Tự chủ bản thân trong việc nắm và vận dụng kiến thức đã học; - Giải quyết vấn đề đặt ra theo yêu cầu của đề bài. b. Năng lực đặc thù: - Biết tìm hiểu, phân tích yêu cầu của đề bài trước khi làm bài; - Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết yêu cầu đặt ra của đề bài; - Biết trình bày bài viết hoàn chỉnh. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ, chịu khó chuẩn bị kiến thức vận dụng làm bài; - Trung thực, tự giác trong quá trình làm bài kiểm tra.	- Thời gian: 90 phút - Hình thức: Viết, tự luận
140	Trả bài kiểm tra cuối kì II	1	1. Kiến thức: - Đặc điểm của các thể loại văn bản đã học trong học kì II - Kiến thức Tiếng Việt: từ đơn từ phức. - Văn bản nghị luận: trình bày ý kiến, quan điểm của bản thân về một vấn đề 2. Năng lực - Nhận xét, đánh giá ưu điểm, hạn chế bài viết của bản thân và của các bạn. - Rút kinh nghiệm cho các bài kiểm tra sau - Nắm được phương pháp học văn - Giao tiếp, hợp tác, học hỏi qua quá trình thảo luận 3. Phẩm chất: - Yêu văn học, yêu tiếng Việt - Trung thực trong việc nhận xét, đánh giá bài kiểm tra - Tôn trọng sự khác biệt trong cuộc sống: tôn trọng quan điểm cá nhân qua bài văn nghị luận.	

II. Kế hoạch kiểm tra đánh giá

Hình thức KTĐG	Bài học	Thời gian	Thời điểm	Công cụ	Ghi chú
Thường xuyên (1)	Bài 1: <i>Tôi và các bạn</i>	15 phút	Tuần 4	Đề kiểm tra Rubic đánh giá	
Thường xuyên (2)	Bài 2: <i>Gỗ cửa trái tim</i>	10 phút	Tuần 6	Câu hỏi + Bảng kiểm	
ĐK- giữa học kì 1	Bài 1,2: <i>Tôi và các bạn</i> <i>Gỗ cửa trái tim</i>	90 phút	Tuần 9	Đề kiểm tra	
Thường xuyên (3)	Bài 3: <i>Yêu thương và chia sẻ</i>	10 phút	Tuần 11	Phiếu đánh giá theo Rubic	
Thường xuyên (4)	Bài 4: <i>Quê hương yêu dấu</i>	15 phút	Tuần 13	Sản phẩm học tập	
ĐK - cuối học kì 1	Bài 1,2,3,4: <i>Tôi và các bạn</i> <i>Gỗ cửa trái tim</i> <i>Yêu thương và chia sẻ</i> <i>Quê hương yêu dấu</i>	90 phút	Tuần 18	Đề kiểm tra	
Thường xuyên (5)	Bài 5,6: <i>Những nẻo đường xứ sở</i> <i>Chuyện kể về người anh hùng</i>	15 phút	Tuần 20	Hồ sơ học tập	
Thường xuyên (6)	Bài 7: <i>Thế giới cổ tích</i>	15 phút	Tuần 22	Đề kiểm tra	
ĐK- giữa học kì 2	Bài 6,7,8 <i>Chuyện kể về người anh hùng</i> <i>Thế giới cổ tích</i> <i>Sự khác biệt và gần gũi</i>	90 phút	Tuần 26	Đề kiểm tra	
Thường xuyên (7)	Bài 8: <i>Sự khác biệt và gần gũi</i>	10 phút	Tuần 27	Thang đánh giá	
Thường xuyên (8)	Bài 9: <i>Trái đất ngôi nhà</i>	15 phút	Tuần 30	Sản phẩm học tập	

	<i>chung</i>				
ĐK - cuối học kì 2	Bài 7,8,9 <i>Thế giới cổ tích</i> <i>Sự khác biệt và gần gũi</i> <i>Trái đất ngôi nhà chung</i>	90 phút	Tuần 35	Đề kiểm tra	

- **III. Các nội dung khác:** Sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học các bộ môn : Văn, Sử, GD&ĐT
- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy, xây dựng sáng kiến kinh nghiệm thúc đẩy đồng nghiệp cho nhóm giáo viên
- Đăng ký sáng kiến kinh nghiệm của nhóm GV dạy lớp 7
- Thành lập đội tuyển học sinh giỏi lớp các môn: Văn, Sử, GD&ĐT
- Đăng ký chỉ tiêu thi đua và chất lượng bộ môn với các môn .
- Xây dựng kế hoạch và ôn luyện phụ đạo học sinh yếu bộ văn môn Ngữ văn 7.